

Cumulative Statistics

누적 통계

VIE - Vietnam

After 3 matches

No.	Name	Pos	PRK 0:5 (0:4)	HKG 5:0 (3:0)	THA 2:1 (0:0)	Min	GF	GA	SG/S	PK	Fouls		Y	Red Cards	
											FC	FS		2Y=R	R
1	DANG Thi Kieu Trinh	GK	90	90	90	270	1	6				3			
2	NGUYEN Thi Xuyen	DF	90	90	90	270	1		1/1	1/1	2	1			
3	NGUYEN Thi Mai	DF	0	0	0	0									
4	TRAN Thi Hong Nhung	DF	7	45	0	52									
5	BUI Thi Nhu	DF	90	90	90	270					3	2			
6	PHAM Hoang Quynh	MF	0	0	0	0									
7	NGUYEN Thi Tuyet Dung	MF	90	90	90	270	2		4/4	1/2	1	2			
8	NGUYEN Thi Lieu	MF	90	90	90	270	1		2/6			4			
9	TRAN Thi Thuy Trang	MF	31	58	90	179			0/2		1	3			
10	PHAM Hai Yen	FW	0	15	1	16	1		1/2						
11	NGUYEN Thi Nguyet	MF	90	90	31	211			1/2		2	3	1		
12	VU Thi Nhung	DF	0	90	90	180			0/1		2	1			
13	NGUYEN Thi Muon	FW	90	75	89	254			0/1		2	4			
14	le Thi Tuyet Mai	GK	0	0	0	0									
15	NGUYEN Thi Ngoc Anh	DF	90	90	90	270					4				
16	NGUYEN Thi Thanh	MF	59	0	0	59					1				
17	NGUYEN Hai Hoa	DF	83	45	90	218					1	2			
18	NGUYEN Thi Minh Nguyet	FW	90	32	59	181	1		1/4		1	1			
Totals							7	6	10/23	2/3	20	26	1		

Corner Kicks: 8
Free Kicks: 9
Offsides: 2
Penalty Kicks Against (Goals/Shots): 2/3
Own Goals: 0
Own Goals Against: 1

LEGEND					
2Y=R	2nd Yellow = Red Card	A	Absent	AET	After Extra Time
DSQ	Disqualified	FC	Fouls Committed	FS	Fouls Suffered
GA	Goals Against	GF	Goals For	GK	Goal Keeper
MF	Midfielder	Min	Minutes Played	N	Not Eligible to Play
Pos	Position	PSO	Penalty Shoot-out	R	Red Cards(Expulsions)
SG/S	Shots on Goal/Shots	Y	Yellow Cards(Cautions)	DF	Defender
				FW	Forward
				I	Injured
				PK	Penalty Kicks (Goals/Shots)
				S	Substitute

Timing and Results provided by Tissot